TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày: 26-02-2024
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Minh Quốc và ông Nguyễn Thành Phước.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Ánh N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang;

Số điện thoại: 0919.39.39.72.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị Ánh N: Ông Hồ Vương Sơn H, sinh năm 1996; địa chỉ: Khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang (Theo Giấy ủy quyền số 03924 ngày 03/7/2023)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1975; Địa chỉ liên lạc: Đồn Biên phòng Cửa khẩu C1 - Số E, Quốc lộ I, khóm Đ, phường M, thành Phố L, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông Hồ Vương Sơn H có mặt; bà Đoàn Thị Ánh N và bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt không rõ lý do; ông Nguyễn Đức C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Đoàn Thị Ánh N do người đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Vương Sơn H trình bày:

Ngày 25/5/2022, do quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị H1 có vay của bà Đoàn Thị Ánh N số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay theo thỏa thuận là 03 tháng với lãi suất là 02%/tháng. Lúc đầu, bà N không đồng ý cho vay nhưng sau đó ông Nguyễn Đức C đứng ra bảo lãnh nên bà N đồng ý cho bà H1 vay 300.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận thì ông C viết Giấy mượn nợ ngày 25/5/2022 có chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Đức C. Quá trình vay do thấy hoàn cảnh bà H1 khó khăn nên bà N đồng ý cho bà H1 trả dần tiền vốn mỗi tháng là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay bà H1 vẫn không trả nợ gốc và lãi cho bà N mặc dù bà N đã nhiều lần liên hệ. Do bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên ngày 19/5/2023 bà N khởi kiện yêu cầu bà H1 trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử xong vụ án.

Ngày 13/7/2023, bà N có yêu cầu bổ sung buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Đức C phải liên đới trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử xong vụ án. Tuy nhiên, xét thấy người trực tiếp vay tiền và nhận tiền vay của bà H1 là bà N, mặc dù ông C đứng ra bảo lãnh và ký tên trong Giấy mượn nợ ngày 25/5/2022 nhưng thực chất ông C không vay tiền và cũng không nhận tiền vay từ bà N.

Do đó, bà Đoàn Thị Ánh N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Nguyễn Đức C trả số tiền 300.000.000 đồng, bà N chỉ yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử xong vụ án.

Ngày 18/7/2023, bà Đoàn Thị Ánh N có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" và thực hiện biện pháp bảo đảm bằng việc phong tỏa tài khoản thanh toán số 102879307553 đứng tên Đoàn Thị Ánh N mở tại Ngân hàng TMCP C2, chi nhánh A, phòng G để đảm bảo cho việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngày 19/7/2023, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn ban hành Quyết định số 04/2023/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo quy định tại khoản 11 Điều 114 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với diện tích đất 121,4m^2 thuộc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 20, đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU552631, số vào sổ cấp GCN: CS02923 do Sở T cấp ngày 12/3/2020 cho bà Nguyễn Thị H1 đứng tên, để đảm bảo việc thi hành án.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đức C trình bày:

Ngày 25/5/2022, ông có ghi biên nhận nội dung bà Nguyễn Thị H1 có mượn tiền của bà Đoàn Thị Ánh N với số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi viết giấy nợ thì không có giao nhận tiền, còn sau đó giữa bà N và bà H1 có giao nhận tiền hay không thì ông không biết. Chữ ký, chữ viết tại phần người nhận của Giấy mượn nợ ngày 25/5/2022 là của ông nhưng ông chỉ ký tên với vai trò là người làm chứng, việc vay mượn thực tế là giữa bà N và bà H1. Do bà H1 là người trực tiếp mượn tiền của bà N nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là bà Nguyễn Thị H1 để tham gia các phiên họp đối chất, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H1 vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H1 cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo cho bà Nguyễn Thị H1 biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà H1 cũng không có ý kiến phản hồi.

Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Đoàn Thị Ánh N do người đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Vương Sơn H trình bày: Bà Đoàn Thị Ánh N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Nguyễn Đức C trả số tiền 300.000.000 đồng, bà N chỉ yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử xong vụ án; Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo quy định tại khoản 11 Điều 114 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Đức C vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tại phiên tòa, bà Đoàn Thị Ánh N vắng mặt, ông Hồ Vương Sơn H là đại diện theo ủy quyền của bà N có mặt; ông Nguyễn Đức C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Đức C là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ánh N, buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Đoàn Thị Ánh N số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử xong vụ án. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ánh N đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Đức C trả số tiền 300.000.000 đồng.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo quy định tại khoản 11 Điều 114 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn bà Đoàn Thị Ánh N và bị đơn ông Nguyễn Đức C và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2023, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị H1 phải trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử xong vụ án nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Nguyễn Thị H1 có nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng quy định theo Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 13/7/2023, bà N có yêu cầu bổ sung buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Đức C phải liên đới trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử xong vụ án nên căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định bà Đoàn Thị Ánh N là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Đức C là bị đơn.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn ông Nguyễn Đức C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, bà Nguyễn Thị H1 đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về đánh giá chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp Giấy mượn nợ ngày 25/5/2022. Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ thể hiện phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

Tòa án đã mở phiên họp đối chất, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã thông báo việc thu thập tài liệu, chứng cứ cho bị đơn bà Nguyễn Thị H1 biết để thực hiện quyền của mình nhưng bị đơn đều vắng mặt và cũng không có ý kiến trình bày cũng như phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 và Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Giấy mượn nợ ngày 25/5/2022 được đánh giá là chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

[2.2] Về tiền nợ gốc: Tại Giấy mượn nợ ngày 25/5/2022 mặc dù có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị H1 thể hiện ông C, bà H1 có vay của bà Đoàn Thị Ánh N số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông C không thừa nhận việc có vay tiền của bà N, ông C chỉ ký tên với tư cách là người làm chứng. Mặt khác, sau khi kiểm tra lại các giấy tờ liên quan bà N cũng xác định thực tế ông C không vay tiền của bà, người trực tiếp vay và nhận tiền vay là bà H1 do đó bà N đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông C trả nợ, chỉ yêu cầu bà H1 trả nợ vay. Từ khi vay, bà H1 không trả nợ gốc và lãi cho bà N mặc dù bà N đã yêu cầu nhiều lần. Do bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện yêu cầu bà H1 phải trả cho bà N số tiền 300.000.000 *(ba trăm triệu)* đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thì:

"...Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

...4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác;

...Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ,

Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ…"

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngoài việc trả nợ gốc thì bị đơn bà Nguyễn Thị H1 còn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn, cụ thể: Tại Giấy mượn nợ ngày 25/5/2022 không thỏa thuận lãi suất, nguyên đơn có yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay (25/5/2022) đến ngày xét xử (26/02/2024) *(lãi suất tính theo tháng, trường hợp kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm số ngày dư ra không đủ một tháng phía nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số ngày dư)* nên tiền lãi được tính theo khoản 4 Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Tiền lãi trên nợ gốc từ ngày 25/5/2022 đến ngày 26/02/2024:

300.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 21 tháng = 52.290.000 đồng

Tiền lãi bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho nguyên đơn là 52.290.000 *(năm mươi hai triệu hai trăm chín mươi nghìn)* đồng.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ánh N, buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Đoàn Thị Ánh N số tiền nợ gốc là 300.000.000 *(ba trăm triệu)* đồng và nợ lãi là 52.290.000 *(năm mươi hai triệu hai trăm chín mươi nghìn)* đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do đã rút yêu cầu đối với yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Đức C trả số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử xong vụ án.

[4] Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời nên cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ"; Giải tỏa tài khoản thanh toán số 102879307553 đứng tên Đoàn Thị Ánh N mở tại Ngân hàng TMCP C2, chi nhánh A, phòng G kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn bà Đoàn Thị Ánh N và bị đơn ông Nguyễn Đức C và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đoàn Thị Ánh N đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị H1.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ phải trả cho bà Đoàn Thị Ánh N số tiền nợ gốc là 300.000.000 *(ba trăm triệu)* đồng và nợ lãi là 52.290.000 *(năm mươi hai triệu hai trăm chín mươi nghìn)* đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Đức C trả số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử xong vụ án.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ"; Giải tỏa tài khoản thanh toán số 102879307553 đứng tên Đoàn Thị Ánh N mở tại Ngân hàng TMCP C2, chi nhánh A, phòng G kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

H2 lại cho bà Đoàn Thị Ánh N số tiền 7.500.000 *(bảy triệu năm trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011921 ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 17.614.500 *(mười bảy triệu sáu trăm mười bốn nghìn năm trăm)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Trí Nguyên